TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/KDTM-ST
Ngày: 12-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;

2. Bà Võ Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lềnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 186/2025/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH T1; địa chỉ: F, đường D, đô thị T, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 30/7/1993; địa chỉ: Tòa nhà L, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ngọc Kim C, sinh ngày 22/01/2003; địa chỉ: tổ H, khu phố D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/11/2025. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: thửa đất số 1, 20,60 tờ bản đồ số 32, 38 khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2025 các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 18/02/2025, Công ty TNHH T1 (Viết tắt Công ty T1) và Công ty TNHH Đ (Viết tắt Công ty Đ) ký kết Hợp đồng mua. Theo thỏa thuận Công ty T1 sẽ cung cấp các sản phẩm sơn mang nhãn hiệu "Zhanchen" của Công ty TNHH V hoặc Công ty V1 cho Công ty Đ. Thực hiện hợp đồng Công ty T1 đã căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của bên mua, giá căn cứ vào bảng báo giá và việc giao hàng thực hiện đến kho của bên mua, những người ký nhận hàng là nhân viên kho của bị đơn.

Khi giao hàng cho Công ty Đ đều có phiếu giao hàng và sau đó xuất các hoá đơn tài chính như thỏa thuận của hai bên cũng như quy định tại Điều 34 của Luật Thương mại năm 2005. Các hóa đơn được hai bên tiến hành xác nhận qua tin nhắn. Công nợ 30 ngày. Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 trên cơ sở các phiếu giao hàng cụ thể như sau:

Hóa đơn tài chính số 04 ngày 26/04/2025 trị giá 1.915.955.800 đồng đã thanh toán ngày 06/06/2025 số tiền 1.915.702.893 đồng, còn nợ 252.907 đồng;

Hóa đơn số 07 ngày 30/07/2025 trị giá 2.358.781.700 đồng, đã thanh toán ngày 04/7/2025 số tiền 1.799.505.000 đồng, ngày 18/7/2025 số tiền 400.000.000 đồng, ngày 8/8/2025 số tiền 158.781.700 đồng, còn nợ 495.000 đồng;

Hóa đơn số 13 ngày 30/06/2025 trị giá 2.599.896.200 đồng, đã thanh toán ngày 08/08/2025 số tiền 799.896.200 đồng, ngày 20/08/2025 số tiền 469.968.980 đồng, ngày 29/08/2025 số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 11/09/2025 số tiền 330.000.000 đồng, còn nợ 31.020 đồng;

Hóa đơn số 14 ngày 30/07/2025 trị giá 1.985.633.136 đồng, Công ty Đ đã thanh toán ngày 29/09/2025 số tiền 600.000.000 đồng, ngày 09/10/2025 số tiền 600.000.000 đồng, ngày 20/10/2025 số tiền 400.000.000 đồng, còn nợ 385.633.136 đồng;

Hóa đơn số 16 ngày 28/08/2025 trị giá 2.901.232.080 đồng;

Hóa đơn số 17 ngày 29/09/2025 trị giá 2.620.573.560 đồng;

Hóa đơn số 19 ngày 28/10/2025 trị giá 1.738.361.520 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc là 7.633.187.233 đồng.

Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Công ty T1 như đã thoả thuận.

Công ty Đ đã vi phạm khoản 1, Điều 50 Luật Thương mại 2005. Do vậy, Công ty T1 khởi kiện vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền công nợ, lãi suất nợ quá hạn phát sinh 8.124.748.721 đồng (Tám tỷ một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc là 7.633.187.233 đồng (Bảy tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng.

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 1%/tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm trên các hóa đơn từ tháng 04 đến tháng 10 năm 2025, cụ thể như sau:

Từ ngày 26/05/2025 đến ngày 12/05/2026 là 252.907 đồng (hóa đơn số 04 tháng 04/2025, đã thanh toán 1.915.702.893 đồng ngày 06/06/2025) x 1% x 11 tháng = 27.820 đồng;

Từ ngày 30/06/2025 đến ngày 12/05/2026 là 495.000 đồng (hóa đơn số 07 ngày 05/2025, đã thanh toán 1.799.505.000 đồng ngày 04/07/2025, đã thanh toán 400.000.000 đồng ngày 18/07/2025, đã thanh toán 158.781.700 đồng ngày 08/08/2025) x 1% x 10 tháng = 49.500 đồng;

Từ ngày 30/07/2025 đến ngày 12/05/2026 là 31.020 đồng (hóa đơn số 13 tháng 06/2025, đã thanh toán 799.896.200 đồng ngày 08/08/2025, đã thanh toán 469.968.980 đồng ngày 20/08/2025, đã thanh toán 1.000.000.000 ngày 29/08/2025, đã thanh toán 330.000.000 đồng ngày 11/09/2025) x 1% x 9 tháng = 2.792 đồng;

Từ ngày 30/08/2025 đến ngày 12/05/2026 là 385.633.136 đồng (hóa đơn số 14 tháng 07/2025, đã thanh toán 600.000.000 đồng ngày 29/09/2025, đã thanh toán 600.000.000 đồng ngày 9/10/2025, đã thanh toán 400.000.000 đồng ngày 20/10/2025) x 1% x 8 tháng = 30.850.651 đồng;

Từ ngày 28/09/2025 đến ngày 12/05/2026 là 2.901.232.080 đồng (hóa đơn số 16 tháng 08/2025) x 1% x 7 tháng = 203.086.246 đồng;

Từ ngày 29/10/2025 đến ngày 12/05/2026 là 2.620.573.560 đồng (hóa đơn số 17 tháng 09/2025) x 1% x 6 tháng = 157.234.414 đồng;

Từ ngày 28/11/2025 đến ngày 12/05/2026 là 1.738.361.520 đồng (hóa đơn số 19 tháng 10/2025) x 1% x 4 tháng = 86.918.076 đồng;

Tổng cộng: 478.169.498 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy hai bên có ký hợp đồng mua bán và thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa theo đơn đặt hàng của bị đơn. Nguyên đã xuất hóa đơn đối chiếu công nợ nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền hàng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm toán với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH T1 khởi kiện Công ty TNHH Đ liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH Đ có trụ sở chính tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, ngày 18/02/2025 hai bên ký Hợp đồng mua hàng hóa, thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa theo đơn đặt hàng và giao nhận hàng hóa. Công ty TNHH Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc theo mức lãi là 12%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Trong hợp đồng hai bên thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán là 1% nhưng không ghi rõ thời gian. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của diện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại Tòa án;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 đối với Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền: 8.124.748.721 đồng (Tám tỷ một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc là 7.633.187.233 đồng (Bảy tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng.

Tiền nợ lãi là: 478.169.498 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng)

2 Về án phí:

2.1. Buộc Công ty TNHH Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 116.125.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm hai mươi lăm đồng)

2.2. Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả 57.114.000 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0048459 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Hồng Thêm

THẨM PHÁN

Võ Thị Hồng T

Ý kiến của Phó Chánh án phụ trách:

……
……
……
……
……
……
……
……

Ý kiến Chánh án:

……
……
……
……
……
……
……
……
……
……
……